

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 23 tháng 02 năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Thuần

2. Ông Nguyễn Văn Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 173/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Ngô Văn S**, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2001 tại phường P.T, thành phố P.Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Tổ dân phố X.B, phường P.T, thành phố P.Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1962 và bà Ngô Thị N, sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Hoạt động bản thân: Năm 2020, tham gia nghĩa vụ quân sự đến tháng 01/2022, S hoàn thành nghĩa vụ quân sự xuất ngũ trở về địa phương. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

2. Họ và tên **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1998 tại xã T.T, huyện M.L, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn K.G, xã T.T, huyện M.L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: ngày 26/4/2017, Nguyễn Đức T bị Công an huyện M.L, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Đánh nhau. Đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, được

coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

- Bị hại:

+ Anh Hoàng văn P, sinh năm 1987. Nơi ĐKHKTT: Thôn N.H, xã N.T, huyện V.C, tỉnh Yên Bái. Hiện cư trú: Tổ dân phố T.C, thị trấn B.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

+ Anh Phạm Văn S1, sinh năm 1996. Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố M.K, thị trấn B.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện cư trú: Thôn Q.K, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

+ Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1992. Nơi ĐKHKTT: Thôn Đo, xã B.Đ, huyện H.Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện cư trú: Thôn Q.K, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 2, Đ.L, xã H.H, huyện T.D, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

+ Ông Tạ Văn D, sinh năm 1959. Địa chỉ: Tổ dân phố T.C, thị trấn B.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

+ Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 2002. Nơi ĐKHKTT: Thôn B.X1, xã Y.L, huyện T.S, tỉnh Phú Thọ. Hiện cư trú: Thôn N.H 2, xã T.K, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn Đ.H, xã T.T, huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn B.T, xã T.T, huyện M.L, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Văn S và Nguyễn Đức T là những đối tượng không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên T đã rủ S đi trộm cắp tài sản là xe mô tô. Trong thời gian từ ngày 08/8/2022 đến ngày 29/8/2022, T và S đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô tại xã T.K và thị trấn B.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể:

Ngày 08/8/2022: khoảng 14 giờ 00 phút ngày 08/8/2022, T điều khiển xe mô tô của mình (không rõ nhãn hiệu và kiểm soát, kiểu dáng giống xe Dream do Trung Quốc sản xuất) đến đón S đi trộm cắp tài sản. Khi đi, T chuẩn bị 01 tay công bằng kim loại chữ L và 01 vạm phá khóa bằng kim loại. Khi đến dãy nhà trọ của chị Phan Thị X, sinh năm 1982 ở tổ dân phố T.C, thị trấn B.H, huyện B.X, T và S nhìn thấy dãy trọ không đóng cổng, không có người xung quanh. S dừng xe, đứng sát lề đường cảnh giới để T đi vào trong khu nhà trọ. T quan sát thấy tại hành lang trước phòng số 5 có dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại wave RSX màu đỏ - đen, BKS: 21B1-113.60 là xe của anh Hoàng văn P, không có người trông giữ. T lén lút dùng vạm phá khóa chọc vào ổ khóa điện để

phá khóa nhưng không được nên đi ra ngoài cánh giới rồi bảo S vào trộm cắp xe. S lên lút dắt xe mô tô BKS: 21B1-113.60 ra ngoài nhưng do không mở được khóa điện nên S ngồi trên xe mô tô trộm cắp được còn T điều khiển xe mô tô của mình, dùng chân đạp vào phía sau xe mô tô vừa trộm cắp được đẩy xe đi về khu vực cánh đồng thuộc phường X.H, thành phố P.Y. Tại đây, T dùng vạm phá được ổ khóa điện và bảo S đi xe mô tô của T về trước, còn T sử dụng điện thoại di động của mình đăng nhập tài khoản facebook vào nhóm Mua bán xe máy cũ Vĩnh Phúc rồi liên lạc với 01 người có nhu cầu mua xe không giấy tờ (không rõ danh tính) và hẹn gặp người này tại đường Nguyễn T.T thuộc địa phận phường N.V, thành phố P.Y để bán xe vừa trộm cắp được. Sau đó, T điều khiển xe mô tô BKS: 21B1-113.60 đến nơi hẹn thì gặp 02 nam giới (không rõ danh tính) tại vỉa hè đường Nguyễn Tất Thành thuộc địa phận phường N.V, thành phố P.Y và bán xe mô tô BKS: 21B1-113.60 cho họ được 2.000.000 đồng rồi thuê xe taxi về nhà. Buổi tối cùng ngày, T chia cho S 1.000.000 đồng. Số tiền có được từ việc trộm cắp tài sản T và S đã sử dụng ăn uống, chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 153 ngày 29/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, kết luận: 01 xe mô tô Honda BKS: 21B1-113.60 trị giá 9.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2022: Vẫn với phương thức, thủ đoạn như trên, khoảng 17 giờ 45 phút ngày 20/8/2022, T và S lên lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu S đen, BKS: 88E1-224.98 của anh Phạm Văn S1 trong khu trọ của anh Dương Văn H, sinh năm 1976 ở thôn Q.K, xã T.K, huyện B.X. T sử dụng tay công và vạm phá ổ khóa điện rồi điều khiển xe rời khỏi hiện trường, S điều khiển xe mô tô của T đi phía sau. Khi về đến phường N.V, thành phố P.Y, T bảo S đi về trước. T ở lại sử dụng điện thoại cá nhân đăng nhập tài khoản facebook vào nhóm Mua bán xe máy cũ Vĩnh Phúc tìm kiếm được 01 người có nhu cầu mua xe không giấy tờ (không rõ danh tính) và nhắn tin hẹn gặp người này tại đường Nguyễn Tất Thành thuộc địa phận phường NV, thành phố P.Y để bán xe vừa trộm cắp được. Sau đó, T điều khiển xe mô tô BKS: 88E1-224.98 đến nơi hẹn thì gặp 02 nam giới (không rõ danh tính) và bán xe mô tô BKS: 88E1-224.98 cho họ được 7.500.000 đồng rồi thuê xe taxi về nhà. Buổi tối cùng ngày, T gặp S và chia cho S 2.500.000 đồng. Số tiền có được từ việc trộm cắp tài sản T và S đã sử dụng ăn uống, chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 111 ngày 15/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, kết luận: 01 xe mô tô Exciter, BKS: 88E1-224.98 trị giá 23.833.000 đồng.

Ngày 29/8/2022: Khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, T và S lên lút trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Dream, màu nâu, BKS: 22Y1-042.48 của anh Hoàng Văn Đ trong khu trọ của anh Vũ Văn V, sinh năm 1990 ở thôn Q.K, xã T.K, huyện B.X. T dùng tay công và vạm phá ổ khóa điện xe mô tô BKS: 22Y1-042.48 rồi nổ máy, điều khiển xe ra đường tỉnh lộ 310 bỏ chạy, S điều khiển xe mô tô của T đi sau. Khi đến đường nội thôn An Đồng, xã Ngọc Thanh, thành phố P.Y, T và S cất giấu xe mô tô BKS: 22Y1-042.48 ở đây, rồi cả hai quay lại xã T.K, huyện B.X để tiếp tục trộm cắp xe mô tô. Khi đi qua khu trọ

của ông Nguyễn Văn Vương, sinh năm 1963 ở thôn N.H, xã T.K, huyện B.X thấy cổng khu trọ không đóng, xung quanh không có người, S lén lút đi vào khu trọ trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại wave, màu xanh đen, BKS: 88F6-0125 của anh Nguyễn Văn Th, còn T đứng ở ngoài cảnh giới. S sử dụng vạm phá ổ khóa điện rồi điều khiển xe rời khỏi hiện trường, T điều khiển xe mô tô của T đi theo sau. Khi đến khu vực vòng xuyên hướng đi phường Xuân hòa, thành phố P.Y, T bảo S về trước, còn T sử dụng điện thoại cá nhân đăng nhập tài khoản facebook vào nhóm Mua bán xe máy cũ Vĩnh Phúc tìm kiếm được người có nhu cầu mua xe mô tô không giấy tờ và hẹn gặp tại vỉa hè đường Nguyễn Tất Thành thuộc địa phận phường P.T, thành phố P.Y đối diện Công ty Gạch lát TTC. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T gặp 02 nam giới không rõ danh tính và bán xe mô tô BKS: 88F6-0125 cho 02 người này được 3.000.000 đồng. T và 02 người này thống nhất sau 30 phút gặp tại vị trí này để bán 01 xe mô tô nữa. Sau đó, T thuê xe taxi đến gần cổng Công ty Honda ở phường P.T, thành phố P.Y rồi gọi điện thoại bảo S đến đón rồi cùng quay lại vị trí cất giấu xe mô tô BKS: 22Y1-042.48. Khi đến nơi, T bảo S về trước, còn T điều khiển xe mô tô BKS: 22Y1-042.48 đến nơi hẹn bán cho 02 nam giới đã mua xe mô tô BKS: 88F6-0125 được 4.000.000 đồng. Số tiền bán 02 xe mô tô trộm cắp ngày 29/8/2022, T chia cho S 4.000.000 đồng. Số tiền có được từ việc trộm cắp tài sản T và S đã sử dụng ăn uống, chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 148 ngày 22/11/2022 và số 150 ngày 24/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, kết luận: 01 xe mô tô Honda Dream BKS: 22Y1-042.4801 trị giá 18.000.000 đồng; xe mô tô Honda Wave, BKS: 88F6-0125 trị giá 6.500.000 đồng.

Ngoài trộm cắp cùng Nguyễn Đức T, Ngô Văn S còn một mình thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô, cụ thể như sau:

Ngày 04/9/2022: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 04/9/2022, S thuê xe taxi đến tổ dân phố T.C, thị trấn B.H, huyện B.X rồi đi bộ vào khu dân cư tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, S phát hiện trong sân nhà ông Tạ Văn D có dựng xe mô tô nhãn hiệu Zipstar, màu nâu, BKS: 88H2-1274 của ông D, xung quanh không có người. S lén lút tiến đến sử dụng vạm phá ổ khóa điện, dắt xe ra khỏi sân rồi nổ máy, điều khiển xe bỏ chạy theo hướng đi thành phố P.Y. Trên đường đi, S sử dụng điện thoại di động của mình vào nhóm Mua bán xe trên mạng xã hội facebook, liên hệ gặp rồi bán cho 01 nam giới không rõ danh tính xe mô tô BKS: 88H2-1274 được 700.000 đồng tại đường Hàm Nghi thuộc phường P.T, thành phố P.Y. Số tiền này S đã sử dụng ăn uống, chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 137 ngày 31/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Zipstar BKS: 88H2-1274 trị giá 2.800.000 đồng.

Ngày 05/9/2022: Vẫn với phương thức, thủ đoạn như trên, khoảng 12 giờ 50 phút ngày 05/9/2022, S lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu xanh, BKS: 19C1-334.88 của chị Lê Thị Ngọc H ở trong khu nhà trọ của chị Dương Thị H, sinh năm 1983 ở thôn N.H, xã T.K. S sử dụng vạm phá ổ

khóa điện rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy theo hướng ra đường tỉnh lộ 310 đi về hướng thành phố P.Y. Trên đường đi, S mở cốp xe kiểm tra thấy bên trong có 01 ví cầm tay đã cũ của chị Huyền, bên trong có 42.000 đồng, 02 thẻ căn cước công dân mang và 01 thẻ ngân hàng Vietinbank đều mang thông tin của chị Huyền. S lấy 42.000 đồng, để lại ví và giấy tờ trong cốp xe. Sau đó, S lại liên lạc với nam giới đã mua xe của S ngày 04/09/2022 tại địa điểm như trên và bán cho nam giới này được 3.800.000 đồng. Số tiền này S đã sử dụng ăn uống, chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 149 ngày 23/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu xanh, BKS: 19C1-334.88 trị giá 12.167.000 đồng.

Ngày 06/9/2022: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 06/9/2022, S lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamotor, màu nâu, BKS: 22B1-428.90 của ông Nguyễn Văn T1 để trong sân nhà anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 ở tổ dân phố T.C, thị trấn B.H. S lén lút dắt lùi chiếc xe mô tô BKS: 22B1-428.90 ra vỉa hè cách vị trí ban đầu khoảng 05m thì bị anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979, HKTT: Tổ dân phố T.C, thị trấn B.H, huyện B.X và một số người dân phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamotor, màu nâu, BKS: 22B1-428.90 tại vỉa hè và 01 vạm bằng kim loại hình lục giác dài 7,5cm, một đầu vạm được mài dẹt, đầu còn lại đường kính 0,6cm; 01 tay công bằng kim loại hình chữ L, kích thước 15x8(cm), một đầu có hình lục giác đường kính 1cm; 01 tuốc nơ vít 2 cạnh màu đen dài 14cm; 01 cờ lê bằng kim loại dài 13,5cm tại túi quần phía trước bên phải của Ngô Văn S.

Tại Kết luận định giá tài sản số 105 ngày 13/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, kết luận: 01 xe mô tô Yamotor, màu nâu, BKS: 22B1-428.90 trị giá 3.367.000 đồng.

Đến ngày 07/9/2022, Nguyễn Đức T đầu thú tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B.X. T và S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Ngày 06/9/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B.X đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Văn S tại tổ dân phố Xuân Bến, phường P.T, thành phố P.Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Kết quả: không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì có liên quan đến vụ án.

Cáo trạng số: 08/CT-VKSBX, ngày 29 tháng 12 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X truy tố Ngô Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên phát biểu luận tội: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn S, Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Văn S từ 04 năm đến 04 năm 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/9/2022.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51,

điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/9/2022.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Ngô Văn S, Nguyễn Đức T phải liên đới bồi thường cho anh Hoàng Văn P số tiền 9.000.000 đồng, cho anh Phạm Văn S1 số tiền 23.833.000 đồng, cho anh Hoàng Văn Đ số tiền 18.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn Th số tiền 6.500.000 đồng. Buộc bị cáo Ngô Văn S phải bồi thường cho ông Tạ Văn D số tiền 2.800.000 đồng, cho chị Lê Thị Ngọc H số tiền 12.167.000 đồng.

Đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Ngô Văn S, Nguyễn Đức T đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại anh Hoàng Văn P có mặt tại phiên tòa xác nhận sự việc các bị cáo S, T lấy trộm xe mô tô của anh, anh nhất trí với giá của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo S, T phải bồi thường số tiền theo giá của Hội đồng định giá và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo S, T theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Lê Thị Ngọc H có mặt tại phiên tòa xác nhận việc bị cáo S trộm cắp chiếc xe mô tô của chị, chị đồng ý với giá của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo S phải bồi thường số tiền theo giá của Hội đồng định giá và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo S theo quy định của pháp luật.

Các bị hại anh Phạm Văn S1, anh Hoàng Văn Đ, anh Nguyễn Văn Th có mặt tại phiên tòa xác nhận sự việc các bị cáo S, T lấy trộm xe mô tô của các anh, các anh nhất trí với giá của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo S, T phải bồi thường số tiền theo giá của Hội đồng định giá đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại ông Tạ Văn D có mặt tại phiên tòa xác nhận sự việc bị cáo S lấy trộm xe mô tô của ông, ông nhất trí với giá của Hội đồng định giá tài sản huyện B.X, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo S phải bồi thường số tiền theo giá của Hội đồng định giá đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

Bị hại ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa xác nhận toàn bộ nội dung như Cáo trạng đã truy tố, quá trình điều tra ông đã nhận lại xe mô tô, đến nay ông không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự, về hình phạt đối với bị cáo S, ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế H vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình điều tra đã xác nhận anh đã mua của bị cáo Nguyễn Đức T 01 xe mô tô, sau đó anh đã bán cho người không rõ danh tính, đến nay anh không có yêu cầu, đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B.X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Ngô Văn S, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với vật chứng thu giữ được, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ ngày 08/8/2022 đến ngày 29/8/2022, Nguyễn Đức T và Ngô Văn S đã cùng nhau trộm cắp 04 xe mô tô tại các khu nhà trọ trên địa bàn xã T.K và thị trấn B.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc.

Cụ thể: xe mô tô Honda BKS: 22B1-113.60 của anh Hoàng Văn P trong khu nhà trọ của chị Phan Thị Xuân; xe mô tô Exciter, BKS: 88E1-224.98 của anh Phạm Văn S1 trong khu nhà trọ của anh Dương Văn Huy; xe mô tô Honda Dream BKS: 22Y1 - 042.48 của anh Hoàng Văn Đ trong khu nhà trọ của anh Vũ Văn Việt; xe mô tô Honda Wave BKS: 88F6 - 0125 của anh Nguyễn Văn Th trong khu nhà trọ của ông Nguyễn Văn Vương.

Tổng giá trị tài sản mà T và S cùng nhau chiếm đoạt theo kết luận định giá là 57.333.000 đồng.

Ngoài ra, Ngô Văn S còn một mình thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn xã T.K và thị trấn B.H, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể: xe mô tô Zipstar, BKS: 88H2-1274 của ông Tạ Văn D trong nhà ông Dự; xe mô tô Honda wave, BKS: 19C1-334.88 và 42.000 đồng của chị Lê Thị Ngọc H trong khu nhà trọ của chị Dương Thị Hằng; xe mô tô nhãn hiệu Yamotor, BKS: 22B1-428.90 của ông Nguyễn Văn T1 trong nhà anh Nguyễn Văn T.

Tổng giá trị tài sản mà S trộm cắp theo kết luận định giá là 18.376.000 đồng.

Hành vi của Ngô Văn S 07 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị 75.709.000 đồng đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;... ”.

Hành vi của Nguyễn Đức T đã 04 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị 57.333.000 đồng đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;... ”.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo Ngô Văn S, Nguyễn Đức T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Trong vụ án này, Nguyễn Đức T là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngô Văn S là đồng phạm tích cực cùng T trộm cắp. Bản thân Ngô Văn S cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Ngô Văn S đã 07 lần thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Đức T đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S, T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. bị cáo S hoàn thành nghĩa vụ quân sự; bị cáo T đầu thú nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân của các bị cáo thấy rằng trước khi phạm tội bị cáo Ngô Văn S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo Nguyễn Đức T có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau. Bản thân các bị cáo là những người lười lao động, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng mà nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, gây thiệt hại đến tài sản của nhiều người với giá trị tài sản lớn, gây tâm lý hoang mang cho người khác, bị cáo S cố ý thực hiện hành vi trộm cắp trên 05 lần, lấy việc chiếm đoạt tài sản thu lời bất chính làm nguồn sống chính cho mình. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh, buộc các bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù một thời gian theo như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành những người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định các bị cáo Ngô Văn S, Nguyễn Đức T là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập, tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các anh Hoàng văn P, anh Phạm Văn S1, anh Hoàng Văn Đ, anh Nguyễn Văn Th yêu cầu Ngô Văn S, Nguyễn Đức T phải bồi thường số tiền theo kết luận định giá. Nguyễn Đức T và Ngô Văn S đồng ý và xin được bồi thường sau nên cần buộc T, S phải bồi thường cho các bị hại giá trị xe mô tô bị trộm cắp theo kết luận định giá.

Ông Tạ Văn D, chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu Ngô Văn S phải bồi thường số tiền theo kết luận định giá. Ngô Văn S đồng ý và xin được bồi thường sau nên cần buộc S phải bồi thường cho các bị hại giá trị xe mô tô bị trộm cắp theo kết luận định giá.

Đối với 01 xe mô tô Yamotor, màu nâu, BKS: 22B1-428.90 là tài sản hợp pháp của các anh Nguyễn Văn T1. Ngày 02/11/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B.X đã trả lại chiếc xe trên cho anh Tiễn là chủ sở hữu. Sau khi nhận lại tài sản anh Tiễn không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với 01 vạm bằng kim loại hình lục giác, 01 tay công bằng kim loại hình chữ L, 01 tuốc nơ vít, 01 cờ lê bằng kim loại là công cụ phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô là tài sản của Nguyễn Đức T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội; sau khi phạm tội T đã bán cho anh Nguyễn Thế H. Anh Huy đã bán cho người không rõ danh tính, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với điện thoại di động của Nguyễn Đức T, Ngô Văn S sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, T và S đã làm mất, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với xe mô tô Honda BKS: 22B1-113.60 của anh Hoàng văn P; xe mô tô Exciter, BKS: 88E1-224.98 của anh Phạm Văn S1; xe mô tô Honda Dream BKS: 22Y1 - 042.48 của anh Hoàng Văn Đ, xe mô tô Honda Wave BKS: 88F6 - 0125 của anh Nguyễn Văn Th, xe mô tô Zipstar, màu nâu, BKS: 88H2-1274 của ông Tạ Văn D; xe mô tô Honda wave, BKS: 19C1-334.88 của chị Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Đức T và Ngô Văn S đã bán cho các đối tượng không rõ danh tính, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[7] Đối với các đối tượng mua xe mô tô do Ngô Văn S và Nguyễn Đức T trộm cắp. S, T không biết tên, tuổi, địa chỉ của các đối tượng này. Cơ quan điều tra đã xác minh các đối tượng tiêu thụ tài sản trộm cắp theo lời khai của T và S nhưng không xác định được danh tính, nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Ngô Văn S, Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Văn S và bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Văn S **04 (Bốn)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/9/2022.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T **03 (Ba)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/9/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Ngô Văn S, Nguyễn Đức T phải liên đới bồi thường cho các anh Hoàng Văn P, anh Phạm Văn S1, anh Hoàng Văn Đ, anh Nguyễn Văn Th theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1/2 của số tiền phải bồi thường, cụ thể như sau: Buộc các bị cáo Ngô Văn S, Nguyễn Đức T phải bồi thường cho anh Hoàng Văn P số tiền **9.000.000 đồng**, mỗi bị cáo phải bồi thường **4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)**; cho anh Phạm Văn S1 số tiền **23.833.000 đồng**, mỗi bị cáo phải bồi thường **11.916.500đ (Mười một triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng)**, cho anh Hoàng Văn Đ số tiền **18.000.000 đồng**, mỗi bị cáo phải bồi thường **9.000.000đ (Chín triệu đồng)**, anh Nguyễn Văn Th số tiền **6.500.000 đồng**, mỗi bị cáo phải bồi thường **3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)**.

Buộc bị cáo Ngô Văn S phải bồi thường cho ông Tạ Văn D số tiền **2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng)**, cho chị Lê Thị Ngọc H số tiền **12.167.000đ (Mười hai triệu một trăm sáu bảy nghìn đồng)**.

Tổng số tiền bị cáo Ngô Văn S phải bồi thường là **43.633.500đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng)**.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Đức T phải bồi thường là **28.666.500đ (Hai mươi tám triệu sáu trăm sáu sáu nghìn năm trăm đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 vạm bằng kim loại hình lục giác, 01 tay công bằng kim loại hình chữ L, 01 tuốc nơ vít, 01 cờ lê bằng kim loại. (Có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Ngô Văn S phải nộp **200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)** án phí hình sự sơ thẩm và **2.182.000đ (Hai triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng)** án phí dân sự trong án hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp **200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)** án phí hình sự sơ thẩm và **1.433.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng)** án phí dân sự trong án hình sự.

Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể

từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện B.X;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA huyện B.X;
- CQCSTHAHS-CA huyện B.X;
- Chi cục THADS huyện B.X;
- Bị cáo, bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu HS, VP, THAHS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan